



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐƠN XIN DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**

Tôi tên là: .....

Chức vụ, cơ quan đang công tác: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại cơ quan: ....., nhà riêng: ..... di động .....

Sau khi nghiên cứu thông báo của trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh về việc xét tuyển nghiên cứu sinh, căn cứ yêu cầu công tác của cơ quan và nguyện vọng cá nhân;

Tôi kính đề nghị Hội đồng tuyển sinh cho phép tôi ghi tên vào danh sách dự tuyển trong đợt xét tuyển tiến sĩ Luật năm 2024

Nghiên cứu sinh khóa: 21

Ngành: ..... Mã số: .....

Hình thức đào tạo : .....

Tôi xin cam kết chấp hành đầy đủ các quy chế, quy định về đào tạo sau đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Nhà trường.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Người làm đơn  
(Ký và ghi rõ họ tên)



# LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3 x4

## I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ và tên:

giới tính:

CCCD:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quê quán:

Dân tộc:

Chức vụ, đơn vị công tác:

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại cơ quan:

Điện thoại nhà riêng:

Di động:

Fax:

E-mail

## II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

### 1. Đại học:

Hệ đào tạo:

Thời gian đào tạo từ:

/ đến

Nơi học (Trường, thành phố):

Ngành học:

Tên đề án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp

Ngày và nơi bảo vệ đề án, luận án hoặc thi tốt nghiệp:

Người hướng dẫn:

### 2. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo từ:

/ đến

Nơi học (Trường, thành phố):

Ngành học:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

### 3. Tiến sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ

/ đến

Tại (trường, viện, nước):

Tên luận án:

Người hướng dẫn:

Ngày và nơi bảo vệ:



4. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ):

5. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp; số bằng, ngày và nơi cấp:

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:**

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

**IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:**



**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

Người khai ký tên



**Hướng dẫn lập Đề cương nghiên cứu**

Đề cương nghiên cứu do người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ lập cần có các nội dung như sau:

**1. Tên đề tài luận án tiến sĩ dự kiến**

Tên đề tài nên ngắn gọn, không nên nhiều hơn 25 chữ, cần phản ánh được là đề tài ngành luật và đối tượng nghiên cứu chính của đề tài.

**2. Những vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành luật học mà luận án cần giải quyết**

Nội dung này cần thể hiện được đề tài luận án tiến sĩ sẽ giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn nào mà ngành luật, chuyên ngành luật quan tâm nhưng chưa được giải quyết hay chưa được giải quyết triệt để, trình bày dưới dạng câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.

**2.1 Câu hỏi nghiên cứu**

Là những vấn đề lý luận và thực tiễn mà luận án cần giải quyết được đặt ra dưới dạng câu hỏi, mà khi giải quyết được những vấn đề đó thì mục đích nghiên cứu đạt được. Nên cấu trúc thành câu hỏi nghiên cứu tổng quát và các câu hỏi nghiên cứu cụ thể.

**2.2 Giả thuyết nghiên cứu**

Là các câu trả lời sơ bộ cho các câu hỏi nghiên cứu, thể hiện được nếu các câu trả lời sơ bộ đó được luận án chứng minh thì mục tiêu nghiên cứu đạt được. Giả thuyết nghiên cứu bao gồm câu trả lời dưới dạng phán đoán và các lý lẽ, chứng cứ, dấu hiệu cho thấy giả thuyết đó có thể được chứng minh.

**3. Đánh giá các nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành luật mà luận án cần giải quyết**

Cần đánh giá các nghiên cứu có giá trị liên quan đến những vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành luật mà luận án cần giải quyết. Cần trình bày các đánh giá đó theo trật tự các câu hỏi nghiên cứu (bao gồm câu hỏi nghiên cứu tổng quát và các câu hỏi nghiên cứu cụ thể) cũng như các giả thuyết nghiên cứu tương ứng.

**4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu****4.1 Cách tiếp cận nghiên cứu**

Nêu cách thức tiếp cận thông tin khoa học và thực tiễn phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề nghiên cứu được đặt ra dưới dạng câu hỏi nghiên cứu, bao gồm tiếp cận định tính, định lượng và tiếp cận từ góc độ một hoặc một số lý thuyết, học thuyết nào đó.

**4.2 Phương pháp nghiên cứu**



Trình bày các phương pháp nghiên cứu được lựa chọn để giải quyết các vấn đề nghiên cứu được đặt ra, trong đó nêu rõ phương pháp nào được áp dụng như thế nào nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể nào.

#### **5. Danh mục tài liệu tham khảo**

Bao gồm: (i) văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài; (ii) các tài liệu khoa học, thực tiễn được công bố, phát hành rộng rãi có thể liên quan đến đề tài với đầy đủ thông tin về tác giả (hoặc chủ sở hữu), tiêu đề của tài liệu, hình thức công bố tài liệu, nơi và năm công bố.

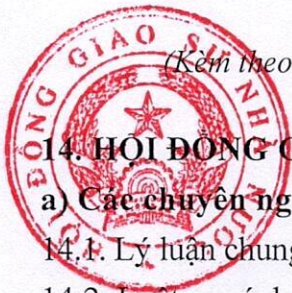
#### **6. Kế hoạch công bố bài báo, báo cáo khoa học**

Nêu kế hoạch đáp ứng điều kiện để được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn: Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

#### **7. Đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có)**







(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

## 14. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH LUẬT HỌC

### a) Các chuyên ngành (Specialization):

14.1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (General Theory of State and Law);

14.2. Luật so sánh (Comparative Law);

14.3. Lịch sử nhà nước và pháp luật (History of State and Law);

14.4. Luật Hiến pháp, Luật Hành chính (Constitutional Law, Administrative Law);

14.5. Luật Kinh tế, bao gồm: Luật Thương mại, Luật Lao động, Luật Tài chính, Luật Đất đai, Luật Môi trường (Economic Law, including: Commercial Law, Labor Law, Financial Law, Land Law, Environmental Law);

14.6. Luật Dân sự, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình (Civil Law, including: Family and Marriage Law);

14.7. Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, tội phạm học (Criminal Law, Criminal Procedure Law, Criminology);

14.8. Luật Quốc tế (International Law).

### b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế uy tín		Tạp chí	- SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq 2,0$ ) - SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF < 2,0) - WoS, Scopus	0 – 3,0 0 – 2,0 0 – 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế uy tín khác		Tạp chí	Theo Quyết định số 224/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 08/11/2017 của Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ Quốc gia	0 – 1,5
3.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐGS ngành quyết định cụ thể từng trường hợp (theo danh mục trong Phụ lục kèm theo)	0 – 1,0 online 0 – 0,75 không online
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 – 1,0
5.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 – 0,5
6.	Bảo hiểm xã hội	1859-2562	Tạp chí	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	0 – 0,5





(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

7.	Cảnh sát Nhân dân	1859-4220	Tạp chí	Tổng cục Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an	0 – 0,5
8.	Châu Mỹ ngày nay	2354-0745 (0868-3654)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
9.	Công an Nhân dân	1859-4409	Tạp chí	Bộ Công an	0 – 0,5
10.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 – 1,0
11.	Công thương (Tên cũ: Công nghiệp)	0866-7756 (0868-3778)	Tạp chí	Bộ Công thương	0 – 0,5
12.	Dân chủ và pháp luật	9866-7535	Tạp chí	Bộ Tư pháp	0 – 0,5
13.	Giáo dục và Xã hội	1859-3917	Tạp chí	Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam	0 – 0,25 từ 2016 0 – 0,5 từ 2017
14.	Khoa học: Luật học	p-2615-9333 e-2588-1167 (0866-8612)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
15.	Khoa học	0866-8051	Tạp chí	Trường Đại học Mở Hà Nội	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2024
16.	Khoa học – Công nghệ Hàng Hải	1859-316X	Tạp chí	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	0 – 0,5
17.	Khoa học Đại học Sài Gòn	1859-3208	Tạp chí	Trường Đại học Sài Gòn	0 – 0,25
18.	Khoa học Kiểm sát	2354-063X	Tạp chí	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2023
19.	Khoa học Nội vụ (Nhập với Tổ chức Quản lý nhà nước)	2354-1113	Tạp chí	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	0 – 0,5 từ 2017 0 từ 2024
20.	Khoa học pháp lý Việt Nam (tên cũ: Khoa học pháp lý)	1859-3879	Tạp chí	Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	0 – 1,0
21.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B (tên cũ: Hoạt động Khoa học)	p-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5
22.	Khoa học Xã hội và Nhân văn	2354-1172	Tạp chí	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 từ 2016
23.	Khoa học xã hội Việt Nam	1013-4328 1605-2811-E	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2024 Bản tiếng Việt



(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HDGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

24.	Kiểm sát	0866-7357	Tạp chí	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2024
25.	Lao động xã hội	0866-7643	Tạp chí	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	0 – 0,5
26.	Luật học	0868-3522	Tạp chí	Trường Đại học Luật Hà Nội	0 – 1,0
27.	Lý luận chính trị	2525-2585 (0868-2771)	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5
28.	Ngân hàng	2815-6048 (0866-7462)	Tạp chí	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0 – 0,5
29.	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
30.	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản)	2354-077X (0868-3646)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
31.	Nghiên cứu lập pháp	1859-2953	Tạp chí	Văn phòng Quốc hội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2023
32.	Nghiên cứu quốc tế	1859-0608	Tạp chí	Học viện Ngoại giao (cũ: HV Quan hệ quốc tế)	0 – 0,5
33.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
34.	Nhà nước và Pháp luật	1021-0547 (0866-7446)	Tạp chí	Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 1,0
35.	Nhân lực Khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 1,0
36.	Pháp luật và phát triển	0866-7500	Tạp chí	Hội Luật gia Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2023
37.	Pháp luật và thực tiễn	2525-2666	Tạp chí	Trường Đại học Luật, Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2020
38.	Pháp luật về quyền con người	2615-899X	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2020
39.	Quản lý Nhà nước	2354-0761 (0868-2828)	Tạp chí	Học viện Hành chính Quốc gia	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2022
40.	Phát triển Khoa học và Công nghệ (Chuyên san Kinh tế - Luật và quản lý)	2588-1051	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2020 0 – 0,75 từ 2024



(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HDGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

41.	Quản lý và kinh tế quốc tế (tên cũ: Kinh tế đối ngoại)	2615-9848 (1859-4050)	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại thương	0 – 0,5
42.	Quốc phòng toàn dân	0866-7527	Tạp chí	Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng	0 – 0,5
43.	Sinh hoạt lý luận	0868-3247	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – Phân viện Đà Nẵng	0 – 0,5
44.	Tài chính	2615-8973	Tạp chí	Bộ Tài chính	0 – 0,5
45.	Nghề Luật	1859-3631	Tạp chí	Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2024
46.	Thông tin Khoa học xã hội	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2021
47.	Thuế Nhà nước	1859-0756	Tạp chí	Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính	0 – 0,5
48.	Tòa án	1859-4875	Tạp chí	Tòa án nhân dân tối cao	0 – 0,5
49.	Từ điển học và Bách khoa thư	1859-3135	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020
50.	Luật sư Việt Nam	2354-0664	Tạp chí	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	0 – 0,25 từ 2022
51.	Tổ chức nhà nước	2588-137X (0868-7683)	Tạp chí	Bộ Nội vụ	0 – 0,25 từ 2023
52.	Kinh tế - Luật và Ngân hàng (Cũ: Khoa học Đào tạo Ngân hàng)	3030-4199	Tạp chí	Học viện Ngân hàng	0 – 0,25 từ 2024
53.	Nguồn nhân lực và An sinh Xã hội	2815-5610	Tạp chí	Trường Đại học Lao động - Xã hội	0 – 0,25 từ 2024
54.	Khoa học và Kinh tế phát triển	2588-1272	Tạp chí	Trường Đại học Nam Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2024
55.	Nghiên cứu Con người	2815-5777	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2024
56.	Khoa học Chính trị	1859-0187	Tạp chí	Học viện Chính trị Khu vực II, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024



(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

**c) Nhà xuất bản có uy tín**

- *Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới*: Nhà xuất bản thuộc 500 trường đại học xếp hạng theo QS Rankings hàng năm;

- *Nhà xuất bản quốc gia có uy tín*: Chính trị quốc gia Sự thật; Khoa học xã hội; Đại học quốc gia Hà Nội; Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Tư pháp; Công an nhân dân.

